

# Nguyễn Trường Tộ Một Người Anh Và Một Bài Học

## • Nguyễn Văn Thành

Anh Nguyễn Trường Tộ quý thương!

Khi viết hoặc nói về Anh, nhiều người đã sử dụng những danh hiệu khác nhau để gọi Anh, như "nhà chí sĩ", "nhà yêu nước", "nhân vật lịch sử", "người ưu thời mãn thế", "tác giả các bản điều trần".... Đối với tôi, Anh là "người Anh" thân yêu và đáng quý, mặc dù giữa hai ngày sinh của chúng ta(1), hơn một trăm năm đã tạo nên khoảng cách khá lớn lao trên hai bình diện quan hệ và tư tưởng. Với tâm tình của một đứa em, tôi mạo muội khảo sát những thành công và thất bại của Anh, đặc biệt nhất qua công tác trình bày ý kiến lên Vua Tự Đức, nhằm cải cách xã hội và hiện đại hóa Quê hương. Tuy nhiên, trước khi làm công việc này, tôi đã đánh lười không những bảy lần, mà không biết bao nhiêu lần bảy mươi lần. Hẳn thực, là hậu sinh, tôi không thể nói với Anh một cách trích thượng, theo kiểu phê phán hay chỉ trích thường có thể xảy ra với kẻ ngang vai về.

Dĩ nhiên, đối với tôi, cho dù thận trọng và dè dặt đến đâu, tôi cũng không bao giờ có thể thực thi một cuộc đánh giá công trình của Anh với đầy đủ khách quan tính. Làm sao khi nói về Anh, tôi có thể trừu xuất - nghĩa là loại bỏ, trút hết ra ngoài và coi như không có mặt - bao nhiêu hành trang mà tôi đã thu nhận, triển khai suốt cuộc đời sáu mươi tuổi của mình?

---

**Nguyễn Văn Thành**, cao học tâm lý bệnh nghiệm, là tác giả của Đường Vào Nội Tâm với Phân Tâm Học (Tủ Sách Tình Người, Lausanne, 1997) và Comment gérer les émotions (Sces, 1993). Là một huynh trưởng của Phong trào Thanh Sinh Công Giáo ở Âu Châu, hiện đang cư ngụ tại Lausanne, Thụy Sĩ.

Đàng khác, tôi cũng không nuôi ăm thái độ "mẹ hát con khen". Viết bài này, tôi không cố tình suy tôn hoặc biến Anh thành thần tượng một cách vô vấn. Tôi cũng không ôm ấp ý đồ phát động một phong trào xây cất lăng tẩm nguy nga đồ sộ(2) chung quanh ngôi mộ có quyền giữ tư cách âm thầm và nghèo hèn, giống như bao nhiêu ngôi mộ của mọi người anh chị em đồng bào trong thôn xóm và làng mạc của mình.

Anh Nguyễn Trường Tộ thân mến,

Mặc dù đã nằm xuống cách đây hơn 100 năm(3), Anh vẫn còn sống trong xương da máu thịt của tôi. Anh vẫn tiếp tục có mặt trong các thế hệ đàn em sau này. Những gì Anh đã bắt đầu, hôm nay tôi vẫn tiếp tục. Những gì Anh để lại dang dở, hôm nay tôi cố gắng kiện toàn. Những gì chưa thích hợp, hôm nay tôi không ngần ngại sửa sai, bắt đầu từ những điều sai trái nơi bản thân tôi.

Vào thời Tự Đức, trong vòng chưa đầy mười năm, kể từ lúc Anh đi vào tuổi "tam thập nhi lập" (ba mươi), Anh đã liên tục và can trường dâng trình Vua gần 60 bản di thảo, trần tình, góp ý.... Hôm nay, trước thêm năm 2000, để tiếp nối công trình xây dựng và hiện đại hóa Quê hương Việt Nam trong một tình thế còn nghiệt ngã và khó khăn, hàng triệu triệu người em cũng mang nặng ưu tư và thổn thức như Anh. Trong nhiều năm, Anh đã chông đèn thức trắng đêm, nặn óc thai sinh những bản điều trần. Và suốt cuộc đời, Anh đã đợi chờ một phút giây hẹn hò, một ngày hội ngộ của Quê hương với Lịch sử. Và cho đến hôm nay, phút giây ấy vẫn còn là nỗi niềm trông ngóng đợi chờ của những ai đang "Nhớ nước đau lòng con quốc quốc, Thương nhà mỏi miệng cái gia gia!"

Theo nhãn quan của tôi, chúng ta không thể ngồi chờ lịch sử đến với chúng ta, như quả sung từ đầu bỗng nhiên

roi vào miệng. Chúng ta phải là những người làm nên lịch sử. Lịch sử cũng tựa như thanh sắt gỗ ghê, xám sị, để chúng ta "có công mài sắt, có ngày nên kim". Lịch sử cũng giống như hòn núi lớn ở bên cạnh sườn Quê hương. Phàm là ai, thuộc chính kiến, tôn giáo hay địa phương nào, chúng ta cũng đều là những nẻo đường xuôi ngược đó đây, biết rằng, "Một cây làm chẳng nên non, Ba cây chụm lại nên hòn núi cao."

Với tinh thần và chí nguyện "làm nên lịch sử như vậy", tôi xin mạo muội đề cập đến hai vấn đề sau đây:

Thứ nhất, Nguyễn Trường Tộ đã nói và làm gì trong tư thế một kiến trúc sư nuôi ấm hoài bão xây dựng và hiện đại hóa Quê hương?

Thứ hai, chúng ta là những người em của Nguyễn Trường Tộ và những người thợ "lành nghề" trong lòng Quê hương Việt Nam, chúng ta có khả năng và bổn phận làm gì trong giờ phút hiện tại này? Nói cách khác, trong những yêu cầu cụ thể của Đất nước và Non sông ngày nay, đâu là những giá trị ưu tiên đang chờ chúng ta hà hơi tiếp sức để tức khắc trở thành hiện thực?

### 1. Nguyễn Trường Tộ, một kiến trúc sư

Anh Nguyễn Trường Tộ quý thương,

Trong tác phẩm của Trương Bá Cần nhằm trình bày và giới thiệu con người và sự nghiệp của Anh(4), chỉ có vồn vẹn chưa đầy ba trang khổ giấy đánh máy - trong tổng số hơn 500 trang của toàn quyển sách - đã nhắc đến việc Anh xây cất tu viện Dòng Thánh Phaolô ở Sài Gòn. Địa chỉ hiện tại là số 4 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hồ Chí Minh, ở sát cạnh Đại chủng viện Thánh Giuse và đối diện Đan Viện Dòng kín Cẩm Minh. Đối với lối nhìn của tôi, đây là một công trình rất quan trọng. Nó đã và đang còn phản ánh một cách rõ ràng, trung thực, toàn diện con người của Anh.

Để có thể đánh giá đúng mức công trình có tầm cỡ này và nhất là phương pháp làm việc của Anh, tôi xin ghi nhận những yếu tố quan trọng sau đây:

**Yếu tố thứ nhất:** Chỉ trong vòng hai năm, từ 1862 đến 1864, Anh đã hoàn thành mỹ mãn một công trình xây cất đồ sộ, kiên cố, có tầm cỡ khách quan và còn tồn tại cho đến ngày nay.

**Yếu tố thứ hai:** Trong công trình xây cất này, Anh vừa là người phác họa mặt bằng, vừa là người nhận ra đúng điều khiển, đốc xuất toàn thể công việc.

**Yếu tố thứ ba:** Theo nữ tu Benjamin, phụ trách tu viện thời ấy, thì "mỗi ngày Anh đều có mặt ở công trường và

để ý đến tới từng mỗi chi tiết" một cách tận tụy và nhiệt tình.

**Yếu tố thứ bốn:** Trong khi thực thi công việc, Anh không phải là người "thừa hành" đơn thuần. Thực ra, Anh đã biết thừa cơ ứng biến, sáng tạo. Anh có khả năng "khê lý", nhưng đồng thời anh cũng biết "khê cơ". Một đàng, nguyên lý được Anh tuân hành và tôn trọng một cách đúng đắn. Đàng khác, Anh có khả năng tận dụng mọi cơ may để sáng tạo đối ứng. Cả hai thành tố này đều giao thoa chằng chịt và kết hợp hài hòa trong mỗi hành vi và cử chỉ của Anh. Cũng theo nữ tu Benjamin, "không kể cái tính kiên quyết theo ý tưởng của mình", Anh còn là người "rất thông minh, linh hoạt và vô vị lợi đến mức tuyệt đối...".

**Yếu tố thứ năm:** Anh là con người tiên phong "vạch đường đi cho chính mình". Và nhất là "do chính mình". Trong khi đó, ở đàng ngoài và ở đàng trước, chưa có một mẫu thức khách quan nào để Anh có thể quy chiếu làm chuẩn tiến lên. Hẳn thực, thời ấy ở Sài Gòn, "chưa có một công trình kiến trúc nào làm kiểu mẫu". Theo Trương Bá Cần(5), "ngoại trừ ngôi nhà hai tầng của hãng Hàng Hải Dân Dụng ở chỗ Bến Nhà Rồng hiện nay, tất cả ở Sài Gòn vào thời điểm đó đều là bằng gỗ tạm bợ. Dinh Toàn Quyền Pháp chỉ được đặt viên đá đầu tiên tháng 3 năm 1988. Và Nhà Thờ Đức Bà chỉ được hoàn tất vào năm 1884".

**Yếu tố thứ sáu:** Anh là con người tự học hoàn toàn, nhất là trong những vấn đề thuộc địa hạt khoa học, như địa lý, thiên văn, xã hội học, quân sự, chính trị, ngoại giao.... Theo trung úy hải quân Richard nhận xét(6), Anh là "kiến trúc sư bất đắc dĩ, không học hành gì", nghĩa là không theo một chương trình giáo dục chính qui hiện đại của một trường cao đẳng hay đại học nào cả. Dù vậy, Anh đã phác thảo một cách hoàn chỉnh mặt bằng củ một công trình xây cất và sau đó chính tay Anh thực hiện một cách sành sỏi và vững vàng.

Qua bao nhiêu thời cuộc đổi thay, trong đó có cuộc chiến tranh Đông Minh chống Phát Xít Nhật và hai cuộc chiến tranh Đông Dương của Pháp và Mỹ, công trình ấy vẫn tồn tại chớ đến ngày nay. Sự kiện này chứng minh một cách hùng hồn "thực chất" của Anh. Anh không bao giờ ăn nói ba hoa chích chòe. Những điều Anh đề nghị, trình bày đều có cơ sở khoa học vững vàng. Không những nói mà thôi, Anh đã làm. Và biết làm. Và cái làm của Anh không phải là đồ dờm, đồ giả, đồ mã, đồ lấp rập, và vịu lộn xộn. Hẳn thực, trước con mắt khách quan của

người ngoài cũng như trong nước, công trình Anh làm nên đã tồn trụ chót đến ngày hôm nay.

## 2. Nguyễn Trường Tộ: một nhà khoa học chính quy

Anh Nguyễn Trường Tộ thân mến,

Anh đã thực hiện thành công tốt đẹp một công trình xây cất cho Tu Viện Dòng Thánh Phaolô ở Sài Gòn. Từ vị trí thí điểm đầu tiên này, Anh đã tiếp tục nuôi hoài bão và kỳ vọng vận dụng toàn thể thực chất khả năng, con người và cuộc đời mình. Anh muốn phục vụ đất nước bằng cách kiến dựng một công trình tương tự. Với tầm cỡ nhiều lần to lớn hơn. Trên bình diện xây dựng và hiện đại hóa Quê Hương Việt Nam.

Đọc lại và nghiên cứu những bản di thảo của Anh, tôi phải thành thật thú nhận: tôi đã đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Với vốn liếng gồm có tám năm đại học ở nước ngoài và 30 năm tìm tòi học hỏi, nghiên cứu, tham khảo, hành nghề, quan sát thực trường của kẻ khác, tôi chưa hẳn đặc thù một phương pháp làm việc đầy tính khoa học ở tầm vóc của Anh.

Để trình bày kế hoạch xây dựng và hiện đại hóa Quê hương, Anh đã lần lượt kinh qua sáu giai đoạn một cách có hệ thống và qui mô. Nói đúng hơn, Anh thực thi sáu động tác cụ thể của một nhà khoa học lão luyện trong bất cứ địa hạt chuyên môn nào.

**Động tác một:** Trước khi trình bày hay đề xuất một thể thức giải quyết vấn đề, Anh đã phân tích thực tại, mổ xẻ thời cuộc, nêu lên những dữ kiện khách quan. Khám phá những quy luật thường hằng. Bắt đầu mỗi bản di thảo, kiến nghị, Anh thường khẳng định tinh thần khoa học ấy với việc trình bày "những điều mà tôi đã biết và thấy một cách chính xác về sự thể trong thiên hạ". Cách làm khoa học này hiển lộ một cách đặc biệt trong ba di thảo số 1, số 3 và số 14 của Anh(7).

**Động tác hai:** Tiếp theo sau, với lối nhìn năng động, tích cực, Anh cố gắng nắm bắt những lợi điểm - những cơ may - đang có mặt, tuy còn tiềm tàng, trong thời cuộc. Dù thời cuộc đang rối ren đen tối ở bất kỳ mức độ nào. Chẳng hạn, dưới thời đại Tự Đức, Anh biết rõ rằng "Triều đình quân thần chỉ làm trò hề cho vui lòng Vua, che đậy những việc hư hỏng trong Nước..."(8). Tuy thế, lập trường và quan điểm chính trị của Anh vẫn trước sau như một: "Vua là quý, quan là trọng". Và Anh đã tận dụng "ưu điểm" ấy để hy vọng cứu vãn được. Hẳn thực, sau ngày Vua Tự Đức băng hà vào năm 1883, tình hình

chính trị đã trở nên băng hoại tột độ, vì "vua" không có, mà "quan" cũng không còn. Cho nên, từ 1884 đến 1945, 18 phong trào kháng chiến chống Pháp nổi lên khắp nơi. Ở Bắc cũng như ở Nam. Từ Trương Công Định đến Trương Tử Anh.... Thế mà trong bao nhiêu người tài giỏi, yêu nước ấy, không một ai có khả năng đứng ra phối hợp và liên kết bao nhiêu sáng kiến lẻ tẻ, rời rạc, khác nhau. Người Pháp thực dân đã lợi dụng tình thế chín đầu bảy đuôi ấy để áp đặt nền đô hộ trên đất nước của chúng ta. *Nhưng, kẻ thù đầu tiên không phải là người Pháp mà là cõi lòng băng hoại của con người Việt Nam.*

Bản Di Thảo số 1(9) nhận diện và đối diện vết thương lòng lổ lổ này một cách thẳng thắn, chính xác: *Dân loạn bên trong, rồi kẻ địch mới nhân đó mà vào. Như thế loạn không phải chỉ từ bên ngoài mà ở ngay trong nước vậy. (...) Không sợ giặc ngang tàng, mà sợ lòng người rời rạc.*

**Động tác ba:** Không những tận dụng lợi điểm tới mức tối đa, Anh điếm mặt những vấn đề một cách can trường, chính trực. Và không những liệt kê những vấn đề đang bủa vây và đục khoét thời thế, Anh còn làm "bác sĩ tâm thần" để mổ xẻ, đào bới, phân tích, tìm ra căn bệnh, trước khi đề xuất phương thuốc chữa trị.

Trong Di thảo số 13 mang tựa đề "Ngôi Vua là quý, chức quan là trọng", Anh đã can đảm, sáng suốt bắt mạch và xác định bệnh trầm kha của Triều đình. Chính lòng *nghey kị* và *sợ sệt* đang đục khoét, xói mòn mọi sinh lực hoạt động. Và làm tê liệt mọi sáng kiến, quyết định. Chính Anh đã định bệnh rành mạch như sau: *Không tin tưởng thì đa kị. Đa kị thì hại đến tri khôn. Trí bị tổn hại thì dễ bị hỏng việc. Việc hỏng thì sinh hại. Hại sinh thì có lắm điều lo buồn. Lo buồn nhiều thì tâm loạn rồi sinh ra lắm sự sợ hãi. Sợ hãi nhiều thì khí chất kém đi mà sinh ra nhu nhược. Nhu nhược thì mọi việc chần chừ, do dự, không dám quyết đoán.*(10)

**Động tác bốn:** Anh không chỉ tu duy, tiếp thu mau lẹ và sở hữu hóa những kiến thức khoa học ứng dụng hiện đại lúc bấy giờ. Anh còn là một con người có *tâm huyết*, biết coi trọng vai trò của *tình cảm* và *xúc động* trong toàn bộ cuộc sống của con người. Và của mọi người. Thực vậy, động cơ duy nhất thúc đẩy Anh trong mọi hoạt động, từ việc nhỏ đến việc lớn, từ điều trọng đến điều khinh, là lòng *yêu nước* và *yêu dân*. Bao nhiêu kế hoạch ma Anh đã đề xuất trong 58 bản di thảo có thể được thu tóm vào một kế hoạch duy nhất, là làm cho "dân giàu, nước mạnh"(11). Làm cho mỗi người Việt Nam từ Vua

tới dân, trăm người như một và một người như trăm. Ai ai cũng là đồng bào ruột thịt. Ai ai cũng có mức sống tối thiểu là no cơm ấm áo. Ai ai cũng có quyền thi thố khả năng sống hạnh phúc và yêu thương. Nói tóm lại, ai ai cũng có quyền làm người thực sự và trọn vẹn. Dù người ấy là em bé chần trâu. Dù người ấy đã phạm tội và đang đền tội theo pháp luật hiện hành. Dù người ấy ở vùng cao nguyên sơn cước hay sinh sống ở đồng bằng duyên hải. Phạm là người, ai ai cũng phải được tôn trọng và có đủ điều kiện để làm người trong lòng Quê hương phần vinh và thịnh vượng.

Trong kiến giải của Anh, đó là cái lẽ của Đạo Trời. Của "Thiên tâm nhân ái", của Lòng Trời yêu thương con người. Loài người chúng ta, như Anh đã khẳng quyết trong di thảo số 5, *có chung một trời che, chung một đất chở, chung một mặt trời chiếu. (...) Buổi đầu do một mà sinh ra. Cuối cùng hợp lại làm một, mới thành tựu cái công dụng to lớn của cả Trời Đất.*(12)

**Động tác năm:** Không những xác định những giá trị tối hậu của cuộc đời làm người, cho một người từ ái Nam Quan đến mũi Cà Mau, Anh còn đi thêm một bước mới là đề xuất những mục tiêu rõ rệt và cụ thể, gần gũi và thích hợp với cuộc sống hằng ngày. Khi mục tiêu còn quá lớn, Anh bao giờ cũng trình bày thêm những giai đoạn đi tới, những bước thực hiện, trong những điều kiện và tầm kích thực tế của dân mình.

Thế nhưng, trong tinh thần và lăng kính của Anh, tất cả mọi mục tiêu, cho dù thuộc địa hạt nào, cũng chỉ là những phương cách nhằm hiện thực hóa tư cách và giá trị làm người của mỗi người. Nói cách khác, mục tiêu để phục vụ con người, chứ con người không bao giờ là nạn nhân của mục tiêu cả.

Hai Di thảo, số 5 "Kế hoạch làm cho dân giàu nước mạnh" và số 27 "Tám việc cần làm gấp"(13), minh họa một cách sâu sắc phương pháp làm việc có tinh thần khoa học như thế. Thiếu phương pháp xác định mục tiêu, cũng như thiếu những dự kiến về các giai đoạn tiến hành công tác theo một lịch trình rõ rệt, thì bao nhiêu công trình và kế hoạch lâu nay cũng chỉ là một chồng giấy độn trong các văn phòng các cấp điều hành. Nói trắng ra, mọi kế hoạch chỉ làm để tài cho các mục quảng cáo tuyên truyền nếu ngay ngày nay chúng ta không chuyển hóa những kế hoạch ấy thành hiện thực phục vụ con người.

Thêm vào đó, trong kiến giải và xác tín của Anh, "đồng hành mà không nghịch nhau là được"(14). Mỗi

người tra vào một tay. Cháo nóng thì cùng chung với nhau húp quanh. Như thế mới có đại sự. "Cần gì bắt phải nhất tề những cái mà tạo vật không thể nhất tề. Cũng không cần thiết phải nhất tề, để làm tổn thương hòa khí".(15)

**Động tác sáu:** Sau cùng, trong bao nhiêu kế hoạch mà Anh đã phác họa và trình bày, giai đoạn bắt tay vào việc là thiết yếu. Đó là điều kiện tiên quyết để chúng ta có thể dời núi, lấp sông. Để có thể chuyển đổi tình trạng từ lạc hậu thành tiên tiến, từ nghèo đói đến phần vinh, từ đàn áp, bóc lột, bạo hành thành vòng tay lớn, nên cuộc hội ngộ của toàn dân. *Hãy làm tức khắc, hãy đứng ra chủ động ngay bây giờ. Đó là điệp khúc.* Anh thường nhấn mạnh trong mỗi một Di thảo của Anh. Theo Anh, làm là quý, là cần. *Làm cho dù thất bại!* Vì có làm mới có thể đánh giá việc làm của mình. Có sai mới có thể học tập sửa sai. Nếu mãi sợ sai, chúng ta sẽ biến mình thành bị động và bất động. Lúc bấy giờ, kẻ khác - hay địch thù - sẽ lèo lái chúng ta, biến chúng ta thành nạn nhân hay là con múa rối cho họ một cách dễ dàng.

Trong bản Di thảo số 27 "Tám việc cần làm", Anh đã rõ ràng, dứt khoát: *Phạm kẻ có trí trong thiên hạ là người không phải không có lầm lạc ban đầu, mà là người biết thay đổi hành động. Không phải không có sai lạc, nhưng biết sửa điều sai thành đúng đắn. Không xấu hổ vì phải sửa đổi cái cũ, mà xấu hổ vì không làm được điều gì mới. Không nhìn lui đi vãng, mà chuyên mưu việc tương lai.*(16)

### 3. Tiếp nối công trình của Nguyễn Trường Tộ

Anh Nguyễn Trường Tộ thân mến,

Những nhận định và phân tích trên đây chứng minh rằng Anh hẳn thực là một nhà khoa học có khả năng và phương pháp làm việc chính qui và nghiêm chỉnh, xét theo những chuẩn thức hiện hành của giới đại học ngày nay. Thế nhưng, vận hội Đất Nước đã không tiến hành như lòng Anh kỳ vọng! Vua Tự Đức và Triều đình thời bấy giờ đã không coi trọng bao nhiêu đề nghị cấp thiết của Anh. Hôm nay, sau hơn một 100 năm xa cách, khi nhìn lại cuộc đời và sự nghiệp của Anh, tôi bộc trực nêu lên ba câu hỏi có liên hệ mật thiết với nhau như sau: Thứ nhất, Anh đã thành công hay thất bại? Thứ hai, điều gì phải làm mà chưa được làm? Thứ ba, chúng tôi, kẻ đàn em, cần làm gì để biến ước mơ của Anh thành hiện thực?

#### 3.1. Nguyễn Trường Tộ đã thành công

Ngược lại với đa số học giả, nhà nghiên cứu, và sử gia như Trương Bá Cần, tôi xin trả lời thẳng thắn và rõ ràng:

Toàn bộ công trình và cuộc đời của Anh không phải là một thất bại, như nhiều người đang tưởng.

Lý do 1: Anh đã thành công thực sự và trọn vẹn trong công trình tiên phong xây cất tu viện Thánh Paolô, Sài Gòn, như trên đây tôi đã dẫn chứng.

Lý do 2: Anh đã thành công thực sự trong công trình đào khai con kênh Sát (trước kia là Thiết Cảng) ở tỉnh Nghệ An vào giữa năm 1866. Anh đã hoàn thành một sự nghiệp bị dở dang từ đời Trần, tuy sự nghiệp của Anh không được nhà Nguyễn đề cập và nhìn nhận một cách chính thức trong sử sách của mình.

Lý do 3: Anh là người theo Đạo Thiên Chúa. Và Vua Tự Đức là người đã bắt bớ, sát hại người theo Đạo Thiên Chúa. Tuy nhiên, Anh không tịnh khẩu, không căm hờn, mà tìm cách đối thoại với nhà Vua với tất cả lòng cương trực và tôn kính. Trong tinh thần đó, cuối cùng Anh đã được nhà Vua tiếp kiến vào năm 1866. Thành tích đối thoại này phải chăng là một kỳ công trong một thời đại mà súng ống và gươm giáo bị lạm dụng bừa bãi, thay thế cho ngôn ngữ của kẻ biết điều.

Lý do 4: Triều đình dưới thời Vua Tự Đức là một hang ổ thối nát. Anh đã có công viết ra điều ấy. Và những ai có chút hiểu biết về lịch sử cũng công phận như vậy. Tuy nhiên, tình trạng thối nát là một chuyện. Còn con người bằng xương thịt của Vua, quan, đồng bào là chuyện khác! Yêu nước, yêu quê hương cũng có nghĩa là yêu một cách chân thực những con người cụ thể gắn liền với bao nhiêu chất liệu hiện thực của xã hội thời ấy. Thật vậy, để hiện đại hóa quê hương, tất cả vấn đề của Anh ngày trước cũng như của chúng tôi ngày nay *không phải là khước từ thực tại trước mắt*, hay là thần nhiên bạo hành, thù tiêu, ám sát những con người ấy. Nhưng mà là cố quyết sáng tạo không ngừng, bằng con đường *giáo dục và đối thoại*, để từ từ chuyển hóa những thân phận "bùn đất" của những người anh chị em mình, bà con mình thành những mảnh vườn hoa màu phì nhiêu trong cánh đồng bát ngát của Quê hương mình.

Ý thức sâu sắc về giá trị tuyệt đối của con người như vậy, phải chăng đó là một thành công to lớn, một kỳ công trọng đại của con người phi thường? Theo cách tôi hiểu, Anh đã "ngộ" được chân lý ấy sau khi đã chứng nghiệm tình cảnh bệnh hoạn và tê liệt của Đất Nước trong chính xác thân bệnh hoạn và tê liệt của Anh. Bên cạnh giây phút giác ngộ cực kỳ trân trọng ấy, những thành bại còn lại có ý nghĩa gì nữa chẳng?

### 3.2. Ba kỳ công hi hữu của con người Việt Nam

Để lý giải câu hỏi số 2 và số 3 nói trên, về "cái gì phải làm mà chưa được làm?" và "cái gì chúng tôi cần làm để tiếp nối công trình của Anh?" tôi tìm thấy câu trả lời đã sẵn có từ ngày đầu lập quốc của Vua Lạc Long Quân, nguyên mẫu của con người Việt Nam ở mọi thời đại. Như Lạc Long Quân, công việc đầu tiên và cuối cùng phải làm trong suốt cuộc đời là ngày ngày *hóa giải ba con tinh yêu ma quái* có mặt khắp nơi, ở mọi ngõ hẻm hang cùng đất nước. Con tinh yếu thứ nhất là *ngư tinh*. Con tinh yếu thứ hai là *hổ tinh*. Con tinh yếu thứ ba là *mộc tinh*.

3.2.1. Hóa giải ngư tinh: Hóa giải ngư tinh là điều cần làm thứ nhất của người Việt Nam. Hóa giải không phải là chém giết, nhưng mà nhìn thẳng vào mặt nó. Gọi tên nó, biết nó từ đâu đến để chuyển dụng nó. Cho nó một chỗ đứng, một vị trí, một giá trị trong cuộc đời. Tình yêu bao giờ cũng vận hành, hóa hiện trong đêm tối. Hóa giải là mời gọi nó đi ra vùng ánh sáng của mặt trời ý thức, để ở đó, tình yêu nào cũng trở nên để thương và hữu dụng. Cọp chẳng hạn, chỉ chộp người từ đằng sau lưng, không dám tấn công người từ trước mặt. Đối với ngư tinh cũng vậy, chúng ta hãy nhìn thẳng vào mặt nó.

Ngư tinh là một loài cá. Và cá phải chăng là của ăn hằng ngày của người Việt Nam, kết hợp với các loại lương thực chủ yếu khác như cơm, khoai mì, rau cỏ và trái cây. Hơn nữa, cá bơi lặn, sinh sống ở trong nước. Cá và nước mang lại sự sống cho con người. Tuy nhiên, nếu sông ngòi, biển hồ bị ô nhiễm vì việc làm tặc trách của con người, làm ứ đọng, tắt nghẽn những đường lạch lưu thông thì lúc bấy giờ cá và nước có thể trở nên một tai họa, mang mầm móng bệnh hoạn cho con người.

Trên bình diện tâm lý, đời sống tình cảm và xúc động cũng là một con dao hai lưỡi giống như vậy. Tình cảm là động cơ thúc đẩy mọi hoạt động xây dựng và thăng tiến; nhưng đồng thời khi trở nên tiêu cực, tham hận, sân si, thì tình cảm là, tê liệt mọi sức sống của con người. Con "ngư tinh" ấy cần được hóa giải.

Sợ và nghi kỵ phải chăng là hai nguyên nhân chủ yếu làm bế tắc mọi công việc của Triều đình dưới thời Vua Tự Đức? Chính vì lý do đó, bao lâu chúng ta chưa hóa giải mọi loại "ngư tinh" trong quan hệ giữa người với người, chúng ta sẽ còn làm cảnh "gà một mẹ bơi mặt đá nhau". Bao lâu còn sợ hãi và nghi kỵ thì chúng ta vẫn còn phóng chiếu lên mặt kẻ khác bao nhiêu rác rưởi phế liệu đang có mặt trong tâm tưởng của chúng ta.

3.2.2. Hóa giải hồ tinh: Hồ là con chồn ẩn núp dưới hang động của vô thức hay là vô minh. Và chỗ nào còn vô minh - nghĩa là thiếu ánh sáng, thiếu mắt trời ý thức "tôi là ai?" - chỗ ấy còn là sào huyệt của dục vọng. Dục vọng len lỏi nằm vùng khắp mọi nơi, thâm chí trong những công trình mang bộ mặt vị tha, trong những đền đài đầy hương khói tôn giáo. Chính dục vọng cũng nhân danh lòng yêu nước, tình tự dân tộc, nghĩa đồng bào, để khai đào nhiều con sông Bến Hải chia cắt, để dàn dựng lên nhiều hàng rào kềm gai, chạy xuyên qua quả tim của từng người Việt Nam. Bao lâu còn chồn Vô Minh và Dục Vọng thì còn hận thù, chia rẽ, kỳ thị - và vấn đề hiện đại hóa quê hương sẽ không thể làm được. Điều mà Di thảo số 14 tường trình về "Tình hình lương giáo ở Nghệ An" (17) có nói đến.

Để hóa giải "quốc nạn hồ tinh", cần phải theo con đường làm bằng chất liệu Tình thương và Hiếu biết. Nhờ hiếu biết sâu sắc, chúng ta nhận biết rằng "trong người có ta, trong ta có người". Nhờ ánh sáng soi rọi ấy, chúng ta mới đem tình thương làm câu trả lời cho mọi vấn đề đang bủa vây quê hương.

3.2.3. Hóa giải mộc tinh: Mộc là cây, ở đây là cây cổ thụ, có tuổi đời "bốn nghìn năm văn hiến"! Rễ của nó bám rất sâu vào lòng đất của thực tế và thực tại Việt Nam. Cành là của nó sum sê, vươn thấu đến trời xanh, bao la và diệu vợi. Nó là nơi ẩn trú của mọi loài chim trời từ khắp nơi bay đến. Nó cũng là địa chỉ dừng chân của thần thánh trên những chặng đường giao du của trời và đất. Nó là nhịp cầu trao đổi ái ân giữa Cha Rồng và Mẹ Tiên của con người Việt Nam.

Thế nhưng, vì mất gốc và từ chối khí trời, cây cổ thụ ấy biến thân thành yêu tinh, ma quái làm băng hoại gia sản tổ tiên. Không còn đón nhận sự sống của Đất, không còn tiếp thu hơi thở của trời, cây cổ thụ "chánh kiến" ngày xưa của tổ tiên đã biến thân làm con ma "tà kiến". Nó nhập vào ai, người ấy tự cho mình là "siêu nhân", "ta hơn người", "ta có lý, mấy vô lý", "ta tốt, mấy xấu", "ta yêu nước, mấy bán nước", "ta chính, mấy ngụy".

Để hóa giải con mộc tinh này, chúng ta cần đọc lên câu thần chú sau: *Tôi là một giá trị. Bạn là một giá trị. Anh là một giá trị. Em là một giá trị. Chị là một giá trị. Chúng ta tất cả làm nên giá trị.* Tự khắc, câu thần chú này sẽ đẩy bật tà kiến ra ngoài để cho chánh kiến Vua Lạc Long Quân lại trở về trong cuộc sống. Cây cổ thụ lại đâm chồi, nảy lộc, và nở hoa. Trong lối nhìn ấy, tà kiến đồng hóa với tử khí, hận thù. Chánh

kiến, trái lại, mang tới cho chúng ta khả năng nhận ra mặt mũi uyên nguyên của anh chị em đồng bào trên mọi nẻo đường Quê hương.

### **Kết Luận: Xây dựng con người Việt Nam**

Anh Nguyễn Trường tộ quý thương,

Toàn thể cuộc đời "làm tiếng kêu trong sa mạc" của Anh đã mang đến cho tôi một bài học cao quý sau đây: Bao lâu chúng ta chưa hóa giải những con ngư tinh, hồ tinh, mộc tinh của Dục vọng, của Vô minh, của Tà kiến thì chúng ta chưa có điều kiện để trở nên con người Việt Nam theo chuẩn mực và hoài vọng của Lạc Long Quân. Và khi chưa làm con người Việt Nam thực sự và trọn vẹn thì làm sao chúng ta có khả năng xây dựng Quê hương và hiện đại hóa Đất Nước? Chúng ta xây dựng với ai? Cho ai? Để làm gì?

Nói cách khác, bao lâu còn có những phân biệt giữa các loại người Việt Nam khác nhau theo tiêu chuẩn lý lịch, giai cấp, nguồn gốc xã hội, địa phương, tôn giáo... thì bấy lâu Quê hương Việt Nam sẽ còn chỉ là một huyền thoại vu vơ, mù mờ.

Kính thưa quý vị, quý anh chị em, quý bạn!

Một con én Nguyễn Trường Tộ đã không làm nên mùa Xuân trên Quê hương Việt Nam. Nhưng Quê hương chúng ta hiện đang cần hàng triệu con én để mùa Xuân Đất Nước có thể lại trở về trong tâm hồn và cuộc đời chúng ta.

### **Chú Thích**

- (1) Nguyễn Trường Tộ sinh năm 1830 (?), theo Nguyễn Bá Cẩn, Nguyễn Trường Tộ - Con Người Và Di Thảo, nxb Tp HCM, 1988, tr. 19.
- (2) Nhân ngày giỗ 100 năm, năm 1971, đã có người đề nghị xây dựng tượng đài Nguyễn trường Tộ ở khắp nơi.
- (3) Bản Di thảo số 1 viết năm 1863 và bản Di thảo số 58 viết năm 1871, năm Tự Đức 24. Đó là năm qua đời của Nguyễn Trường Tộ, 41 tuổi.
- (4) Sách đã dẫn (sđd) từ chú thích (1). Sách này là nguồn duy nhất tôi tham khảo và trích dẫn trong bài này.
- (5) Sđd, tr. 30. (6) Sđd, tr. 29.
- (7) Sđd. Di thảo số 1, tr. 107, đoạn 1. Di thảo số 3, tr. 120, đoạn 3. Di thảo số 14, tr. 181, đoạn 1.
- (8) Sđd, tr. 110, đoạn 1, Di thảo số 1.
- (9) Sđd, tr. 110, đoạn 2. Di thảo số 1.
- (10) Sđd, tr. 177, đoạn 4. Di Thảo số 13.
- (11) Sđd, tr. 135. Di thảo số 5.
- (12) Sđd, tr. 136. Di thảo số 5.
- (13) Sđd, tr. 135. Di thảo số . Tr.. 255. Di thảo số 27.
- (14) Sđd, tr. 118. Di thảo số 2, đoạn 4.
- (15) Sđd, tr. 118. Di thảo số 2, đoạn 4.
- (16) Sđd, tr. 230. Di thảo số 27, đoạn 4.
- (17) Sđd, tr. 181. Di thảo số 14.